BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 184 /2019/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định đồ vật cấm và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định đồ vật cấm và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù; việc thu giữ và xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam trong quân đội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nơi chấp hành án phạt tù là nơi quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân, bao gồm trại giam, trại tạm giam trong quân đội (sau đây gọi là cơ sở giam giữ).

2. Đồ vật cấm là những đồ vật được quy định tại Thông tư này, khi đưa vào cơ sở giam giữ có khả năng gây mất an toàn cho cơ sở giam giữ; phạm nhân dùng để tự sát, trốn khỏi nơi giam giữ, gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe, tính mạng của bản thân hoặc người khác; gây cản trở cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án phạt tù.

Điều 4. Đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ

1. Các loại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ

a) Vũ khí: Các loại vũ khí quân dụng, các loại súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự;

b) Vật liệu nổ: Các loại thuốc nổ và phụ kiện nổ;

c) Tiền chất thuốc nổ.

2. Công cụ hỗ trợ, gồm:

a) Các loại súng bắn đạn nhựa, nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh đánh dấu; súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới súng phóng dây mồi và đạn sử dụng cho các loại súng này;

b) Các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

c) Lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

d) Dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số 8, bàn chông, dây đinh gai; áo giáp; găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn và các loại công cụ hỗ trợ khác có tính năng, tác dụng tương tự.

3. Các chất ma tuý, tiền chất ma túy, chất hướng thần hoặc có chứa chất ma túy; chất gây mê, chất độc, chất gây ngứa, chất phóng xạ, hoá chất, độc dược; các loại thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, trừ trường hợp có chỉ định của cơ quan y tế có thẩm quyền.

4. Chất cháy, chất gây cháy, đồ vật gây cháy.

5. Thiết bị kỹ thuật, điện tử: Các loại máy ghi âm, máy ghi hình, máy nghe, nhìn, đồng hồ, điện thoại di động, bộ đàm và các loại máy thu phát tín hiệu khác trừ những thiết bị y tế để đảm bảo sức khỏe cho phạm nhân theo chỉ định của cơ quan y tế có thẩm quyền.

6. Các thiết bị dùng để đun nấu, đồ dùng bằng kim loại, sành, sứ, đá, đất nung, thủy tinh, phích nước; đồ vật sắc, nhọn, chìa khóa, bấm móng tay, bút viết và các đồ vật có thể làm hung khí; các loại dây như dây lưng, dây điện, dây thép, dây đàn và các loại dây có thể sử dụng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của phạm nhân và người khác; các đồ vật khác gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường cơ sở giam giữ.

7. Rượu, bia, đồ uống có cồn, thuốc lá các loại, thuốc lào, xì gà, trà, cà phê và các chất kích thích khác.

8. Các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh của lực lượng vũ trang, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các loại giấy tờ chứng nhận khác.

9. Các loại ấn phẩm: Sách, báo bằng tiếng nước ngoài chưa qua kiểm duyệt; các ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng không được phép lưu hành; tranh ảnh, phim, băng, đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân.

10. Tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, thẻ ATM, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử.

11. Các loại bài lá, các phương tiện, công cụ dùng để đánh bạc dưới mọi hình thức; các đồ vật khác có thể gây mất an toàn cơ sở giam giữ, phạm nhân dùng để trốn trại, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường.

Điều 5. Phát hiện, thu giữ đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ

1. Khi phát hiện việc đưa đồ vật cấm vào cơ sở giam giữ, cán bộ có trách nhiệm lập biên bản thu giữ, yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình và người làm chứng làm bản báo cáo (nếu có). Trong biên bản phải xác định rõ số lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc, tình trạng và các đặc điểm khác của đồ vật cấm bị thu giữ. Những đồ vật nghi là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, ma túy hoặc đồ vật khác có thể niêm phong được thì phải niêm phong, có chữ ký của người lập biên bản, người vi phạm, người làm chứng hoặc người chứng kiến.

2. Trường hợp không xác định được đối tượng hoặc đối tượng không có mặt khi thu giữ đồ vật cấm được đưa vào cơ sở giam giữ thì có ít nhất 02 người chứng kiến ký biên bản, niêm phong (nếu cần) và xác minh làm rõ để xử lý.

3. Cán bộ sau khi lập biên bản thu giữ đồ vật cấm phải báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để quản lý và xử lý đảm bảo chặt chẽ, an toàn.

4. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản đồ vật cấm; việc giao, nhận đồ vật cấm phải lập biên bản và vào sổ theo dõi.

Điều 6. Xử lý đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ

1. Đồ vật cấm khi bị thu giữ thì được xử lý như sau:

a) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư này thì lập biên bản, tiến hành điều tra ban đầu hoặc chuyển ngay cùng hồ sơ, tài liệu có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 4 Thông tư này thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ ra quyết định xử lý và tổ chức tiêu hủy;

c) Đồ vật cấm quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư này sau khi thu giữ thì chuyển cho bộ phận lưu ký quản lý và trả lại cho phạm nhân sau khi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù hoặc bàn giao cho thân nhân theo đề nghị của phạm nhân;

d) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 9, 11 Điều 4 Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ trước khi tổ chức tiêu hủy;

đ) Đồ vật cấm quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư này sau khi thu gi thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết the quy định của pháp luật; trường hợp phạm nhân tự giác giao nộp thì được gửi lư ký hoặc giao cho thân nhân theo đề nghị của phạm nhân.

2. Các đồ vật cấm có liên quan đến vụ án hình sự thì chuyển giao cho c quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý đồ vật cấm bằng hình thức tiêu hủy thì cơ sở giam giữ lậ Hội đồng xử lý do Giám thị làm Chủ tịch, Phó Giám thị làm Phó Chủ tịch, cá thành viên gồm Chính trị viên, Đội trưởng đội Quản giáo, Đội trưởng đội V binh hỗ trợ tư pháp, cán bộ y tế, trợ lý giam giữ kiêm hồ sơ, nhân viên tài chính.

Điều 7. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ

1. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm, gồm:

a) Biên bản thu giữ đồ vật cấm;

b) Biên bản ghi lời khai của người vi phạm và người làm chứng (nếu có);

c) Bản tường trình của người vi phạm;

d) Báo cáo của cán bộ thu giữ đồ vật cấm và đề nghị hình thức xử lý;

đ) Biên bản họp Hội đồng xử lý đồ vật cấm, Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật phạm nhân hoặc kết luận của cơ quan điều tra trong trường hợp hành vi vi phạm không bị xử lý về hình sự;

e) Quyết định thu giữ đồ vật cấm;

g) Quyết định xử lý đồ vật cấm;

h) Quyết định xử lý vi phạm;

i) Biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu hủy đồ vật cấm);

k) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);

l) Tài liệu khác có liên quan.

2. Tài liệu thu giữ, xử lý đồ vật cấm và xử lý vi phạm đối với phạm nhân phải được lưu trong hồ sơ phạm nhân; trường hợp hồ sơ đã chuyển giao cho cơ quan khác để giải quyết theo thẩm quyền thì sao lưu hồ sơ để quản lý, lưu trữ theo quy định.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2020 và bãi bỏ Chương IV của Nội quy trại giam quân sự ban hành kèm theo Thông tư số 132/2012/TT-BQP ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

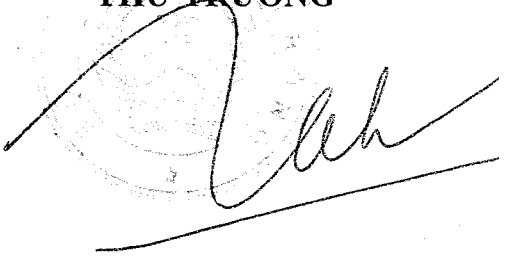

Thượng tướng Lê Chiêm

Nơi nhận:
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Lãnh đạo BQP[(6)];
- Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị;
- Các Quân khu, Quân đoàn;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Tòa án quân sự trung ương;
- Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- Cục Điều tra hình sự BQP;
- Cục Thi hành án BQP;
- Cục Quân lực/BTTM;
- Cục Bảo vệ an ninh Quân đội;
- Công báo Chính phủ, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Văn phòng BQP (NC, PC, CTTĐT/BQP);
- Lưu: VT, ĐTHS.Hg35.